TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2019
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thúy

Ông Hồ Huy Cường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 218/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều V, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Tổ 16, ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh "Vắng mặt".

Bị đơn: Anh Lê Thanh A, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Tổ 16, ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2019 và qua các lần làm việc, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều V trình bày: Chị và chồng là anh Lê Thanh A chung sống với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G vào ngày 04-9-2015. Ngày cưới gia đình chồng có cho chị 01 đôi bông và cặp nhẫn vàng 18k, tổng cộng gần 01 chỉ. Số nữ trang này vợ chồng đã bán để nuôi con hết. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại ấp P, xã P được khoảng 03

tháng, sau đó vợ chồng thuê nhà trọ sống được 5 tháng thì chị có thai, từ đó vợ chồng về sống chung với mẹ chị tại ấp S, xã P có đến khi ly thân.

Vợ chồng có 02 con chung gồm Lê Thị Tuyết K, sinh ngày 11-7-2012 và Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 01-7-2015, hiện 02 con đang sống với chị.

Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng chị không quan tâm đến vợ con, lại ham chơi, làm ra bao nhiêu tiền chồng chị chơi cờ bạc hết, nhiều lần chồng chị đem xe đi cầm chị phải đi chuộc về. Chồng chị nhiều lần hứa hẹn bỏ cờ bạc nhưng không bỏ được. Năm 2017 chồng chị đem xe máy đi cầm và qua casino chơi đánh bạc thua hết. Sau đó, chồng chị bỏ về nhà cha mẹ chồng sống và vợ chồng ly thân cho đến nay, thỉnh thoảng chồng chị có đến thăm con nhưng vợ chồng không bàn việc đoàn tụ gia đình. Từ tháng 02-2019 đến nay chồng chị không đến nữa, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không còn quan tâm đến nhau. Sau khi chị nộp đơn ly hôn chồng chị có gọi điện thoại năn nỉ chị chung sống lại nhưng chị không đồng ý vì chị cho nhiều cơ hội nhưng chồng chị không thay đổi. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với chồng chị là anh A.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con và không không yêu cầu anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 6 năm 2019 và qua các lần làm việc, bị đơn anh Lê Thanh A trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của chị V. Theo anh, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng cãi nhau và chung sống không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 02-2019. Anh yêu cầu được đoàn tụ. Đến ngày 28-6-2019, anh thay đổi ý kiến và thống nhất ly hôn theo yêu cầu của vợ anh.

Về con chung: Anh đồng ý giao cả 02 con chung cho vợ anh nuôi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất như lời trình bày của chị V và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua làm việc, cháu Lê Thị Tuyết K, sinh ngày 11-7-2012 có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh A; đồng thời, ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh chị về con chung tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị V và anh A chung sống với nhau vào năm 2010, có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G vào ngày 04-9-2015, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị V có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị thì thấy: Anh chị cùng thống nhất cuộc sống vợ không còn hạnh phúc do thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, chị V còn cho rằng anh A ham mê cờ bạc không lo được gì cho gia đình vợ con, nhiều lần như vậy anh A hứa từ bỏ việc chơi đánh bạc nhưng vẫn không bỏ được. Anh chị ly thân từ tháng 02-2019 đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không còn quan tâm cũng như không còn tình cảm với nhau. Khi chị V yêu cầu ly hôn anh A lúc đầu không đồng ý, sau anh chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị V. Do anh chị cùng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị được. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh A là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị thống nhất: Giao 02 cháu Lê Thị Tuyết K, sinh ngày 11-7-2012 và Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 01-7-2015 cho chị V được tiếp tục nuôi dưỡng; anh A không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với nguyện vọng của cháu K và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Như những nhận định trên thì đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[4] Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều V đối với anh Lê Thanh A. Chị V được ly hôn với anh A.

2/. Về con chung: Giao 02 con chung của anh chị gồm Lê Thị Tuyết K, sinh ngày 11-7-2012 và Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 01-7-2015 cho chị V được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quuyết.

4/. Về án phí: Chị V chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008942 ngày 26-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Vân Quỳnh